

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 32

Môn: F.I: Nghiên cứu thực tế

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
1	Nông Việt Anh	8,50	Tám phẩy năm	26	Dương Trọng Nam	9,00	Chín
2	Phương Đức Cường	8,75	Tám phẩy bảy năm	27	Đặng Phương Nam	9,00	Chín
3	Bế Văn Cương	9,00	Chín	28	Hoàng Ích Nghiên	9,00	Chín
4	Nguyễn Việt Đạt	8,50	Tám phẩy năm	29	Nông Đình Ngữ	8,75	Tám phẩy bảy năm
5	Bế Quốc Đạt	8,50	Tám phẩy năm	30	Nông Thị Thúy Nhung	8,75	Tám phẩy bảy năm
6	Nông Văn Điệp	8,75	Tám phẩy bảy năm	31	Nguyễn Thị Quỳnh Phương	8,50	Tám phẩy năm
7	Hoàng Quang Diệu	8,75	Tám phẩy bảy năm	32	Nông Văn Quán	8,50	Tám phẩy năm
8	Nguyễn Hữu Dự	8,75	Tám phẩy bảy năm	33	Vũ Quang	9,00	Chín
9	Hà Tiến Dũng	8,75	Tám phẩy bảy năm	34	Phương Thị Thanh Quỳnh	9,00	Chín
10	Lương Thị Hà	9,00	Chín	35	Ngô Văn Sinh	8,75	Tám phẩy bảy năm
11	Nông Văn Hải	9,00	Chín	36	Hoàng Văn Sỹ	9,00	Chín
12	Hoàng Thị Hồng	9,00	Chín	37	Nông Thị Hồng Tâm	9,00	Chín
13	Nông Ngọc Huân	9,00	Chín	38	Đào Thu Thảo	9,00	Chín
14	Trương Việt Hùng	9,00	Chín	39	Nông Thị Thoan	8,50	Tám phẩy năm
15	Nguyễn Quang Huy	8,75	Tám phẩy bảy năm	40	Nông Thị Thùy	9,00	Chín
16	Hoàng Hữu Huyền	9,00	Chín	41	Nguyễn Văn Thụy	9,00	Chín
17	Bế Ích Khanh	9,00	Chín	42	Lương Ngọc Tiến	8,75	Tám phẩy bảy năm
18	Dương Thị Lan	8,75	Tám phẩy bảy năm	43	Nông Thị Trang	9,00	Chín
19	Đàm Nhật Lệ	8,50	Tám phẩy năm	44	Nông Đàm Trung	8,75	Tám phẩy bảy năm
20	Chu Văn Lịch	8,50	Tám phẩy năm	45	Chu Việt Trung	9,00	Chín
21	Nông Ngọc Linh	8,50	Tám phẩy năm	46	Đàm Minh Tuấn	8,50	Tám phẩy năm
22	Nông Xuân Lộc	8,50	Tám phẩy năm	47	Hoàng Minh Tuấn	9,00	Chín

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
23	Đinh Công Luyện	8,50	Tám phẩy năm	48	Dương Anh Tuấn	8,75	Tám phẩy bảy năm
24	Hoàng Diệu Ly	9,00	Chín	49	Trần Hồng Văn	9,00	Chín
25	Triệu Khánh Ly	9,00	Chín	50	Nông Văn Vĩnh	8,50	Tám phẩy năm

GHI ĐIỂM

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thu Hằng

Đoàn Thị Vân Thúy

Trịnh Thị Ánh Hoa